

Số: 101/QĐ- ĐHSPKTVL-ĐT

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp Đại học hệ vừa làm vừa học

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VĨNH LONG

Căn cứ Quyết định số 1785/QĐ-LĐTBXH ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 80/2018/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐTBD ngày 05/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ Quyết định số 37/2022/QĐ-ĐHSPKTVL-SĐH ngày 11/5/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp Cao đẳng, Đại học hệ vừa làm vừa học Đợt 1 năm 2022;

Căn cứ Kết quả học tập, rèn luyện toàn khóa học của sinh viên các khóa Đại học hệ vừa làm vừa học đủ điều kiện xét tốt nghiệp Đợt 1 năm 2022;

Căn cứ Biên bản xét công nhận tốt nghiệp Đại học hệ vừa làm vừa học Đợt 1 năm 2022 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp họp ngày 01/6/2022;

Xét đề nghị của Ông Trưởng Phòng đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp **ĐẠI HỌC** hệ vừa làm vừa học cho 131 sinh viên (có danh sách kèm theo), các loại văn bằng như sau:

TT	Văn bằng	Số SV	Hạng tốt nghiệp			
			Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
1	Bằng Kỹ sư	101	10	34	51	6
2	Bằng Bác sĩ thú y	3	0	3	0	0
3	Bằng Cử nhân	27	0	16	11	0
Tổng cộng		131	10	53	62	6

Điều 2. Mọi chế độ, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên được cắt khỏi Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long kể từ ngày ký quyết định.

Điều 3. Ông (Bà) Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm, Đơn vị liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách kèm theo ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: P.ĐT.



PGS.TS. Lao Hùng Phi

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG KỸ SƯ HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC - ĐỢT 1 NĂM 2022

(Kèm theo quyết định số: 101/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 15 tháng 6 năm 2022)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
I. Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử									
1	14303036	Nguyễn Minh Tâm	16/7/1990	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.30	Trung bình	
2	16303409	Nguyễn Thị Thu Thảo	10/8/1990	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.66	Khá	
3	16303298	Huỳnh Khánh Hùng	28/01/1983	Tp HCM	Nam	Kinh	3.29	Giỏi	
4	16303236	Huỳnh Minh Cuộc	17/5/1986	Cà Mau	Nam	Kinh	2.79	Khá	
5	16303277	Phạm Trung Dũng	01/01/1983	Kiên Giang	Nam	Kinh	3.35	Giỏi	
6	16303278	Tân Vĩ Hiếu	22/9/1988	Kiên Giang	Nam	Kinh	2.94	Khá	
7	16303280	Bùi Hồng Quân	09/02/1990	Kiên Giang	Nam	Kinh	3.19	Khá	
8	16303281	Trương Văn Thái	20/10/1986	Kiên Giang	Nam	Kinh	3.10	Khá	
9	16303282	Vũ Ngọc Thắm	20/11/1980	Thái Bình	Nam	Kinh	3.33	Giỏi	
10	16303285	Phạm Công Thiện	02/11/1983	Kiên Giang	Nam	Kinh	3.29	Giỏi	
11	16303286	Trần Quang Tuấn	08/02/1990	Kiên Giang	Nam	Kinh	3.21	Giỏi	
12	16303289	Lê Hùng Vinh	18/7/1991	Kiên Giang	Nam	Kinh	3.39	Giỏi	
13	16303290	Lê Phan Phúc Vĩnh	02/3/1993	Kiên Giang	Nam	Kinh	3.32	Giỏi	
14	17303240	Nguyễn Thành Trãi	11/11/1980	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.38	Trung bình	
15	17303046	Nguyễn Hoàng Dũng	20/5/1992	Kiên Giang	Nam	Kinh	3.30	Giỏi	
16	17303047	Nguyễn Thành Duy	09/11/1990	Kiên Giang	Nam	Kinh	3.13	Khá	
17	17303049	Phan Văn Năng	01/7/1976	An Giang	Nam	Kinh	3.46	Giỏi	
18	17303050	Hình Úc Tài	11/8/1992	Kiên Giang	Nam	Kinh	3.38	Giỏi	
19	17303129	Nguyễn Văn Chơn	22/10/1988	Kiên Giang	Nam	Kinh	3.29	Giỏi	
20	17303130	Nguyễn Hoàng Đạt	20/6/1996	Kiên Giang	Nam	Kinh	3.26	Giỏi	
21	17303132	Phạm Thành Lợi	10/8/1993	Kiên Giang	Nam	Kinh	2.95	Khá	
22	17303133	Nguyễn Chiến Thắng	02/10/1991	Kiên Giang	Nam	Kinh	3.06	Khá	
23	17303042	Nguyễn Công Luận	21/01/1988	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	2.92	Khá	
24	17303029	Đặng Văn Đoan	20/4/1988	Bến Tre	Nam	Kinh	3.12	Khá	
25	17303171	Bùi Trường Chinh	29/01/1979	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.60	Xuất sắc	
26	17303174	Trần Minh Đức	26/6/1978	Bến Tre	Nam	Kinh	3.34	Giỏi	
27	17303177	Phạm Hữu Lộc	05/01/1987	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.38	Giỏi	
28	17303183	Đặng Hữu Phương	07/9/1988	Bến Tre	Nam	Kinh	3.47	Giỏi	
29	17303185	Huỳnh Ngọc Quyền	13/02/1982	Bến Tre	Nam	Kinh	3.27	Giỏi	
30	17303189	Nguyễn Công Tuấn	13/5/1993	Long An	Nam	Kinh	3.49	Giỏi	
31	17303192	Dương Duy Thuận	10/02/1991	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.19	Khá	
32	17303194	Nguyễn Hữu Trí	23/7/1980	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.11	Khá	
33	17303198	Nguyễn Phan Quốc Việt	27/9/1982	Bến Tre	Nam	Kinh	3.52	Giỏi	
34	18303044	Danh Quốc Đạt	30/4/1990	Kiên Giang	Nam	Khmer	2.83	Khá	
35	18303060	Trần Hữu Phước	04/5/1996	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.18	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
36	18303063	Phan Thái Sơn	05/11/1983	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.67	Khá	
37	18303077	Dương Công Trọng	06/10/1992	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	2.68	Khá	
38	18303109	Đặng Hoài Ân	07/8/1986	Bình Dương	Nam	Kinh	2.80	Khá	
39	18303117	Trương Phát Huy	08/3/1990	Bến Tre	Nam	Kinh	3.07	Khá	
40	18303125	Nguyễn Tuấn Phong	22/7/1992	Cà Mau	Nam	Kinh	2.79	Khá	
41	18303128	Tô Hiến Thành	01/7/1993	Long An	Nam	Kinh	3.04	Khá	
42	18303129	Võ Hồng Thịnh	01/11/1993	Đắk Lắk	Nam	Kinh	2.80	Khá	
43	18303136	Nguyễn Minh Tuấn	22/03/1987	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.75	Khá	
44	18303137	Đỗ Văn Tuấn	02/02/1991	Kiên Giang	Nam	Kinh	2.78	Khá	
45	18303138	Lê Quang Vịnh	01/01/1993	Bạc Liêu	Nam	Kinh	2.86	Khá	
46	19303003	Bùi Quốc Chiến	21/4/1998	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.38	Giỏi	
47	19303004	Nguyễn Hải Đăng	21/7/1987	Hậu Giang	Nam	Kinh	3.75	Xuất sắc	
48	19303007	Nguyễn Hoàng Khải	01/01/1991	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.29	Giỏi	
49	19303011	Trần Thái Ngọc	29/10/1994	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.41	Giỏi	
50	19303015	Thân Hoàng Phi	19/01/1990	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.82	Xuất sắc	
51	19303016	Đào Thanh Phong	21/12/1982	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.50	Giỏi	
52	19303020	Phan Ngọc Tấn	21/5/1997	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.54	Giỏi	
53	19303021	Nguyễn Quốc Thái	03/01/1984	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.44	Giỏi	
54	19303022	Đinh Văn Thanh	20/9/1987	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.45	Giỏi	
55	19303074	Phan Duy Đón	10/12/1990	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.62	Xuất sắc	
56	19303075	Nguyễn Thế Nha	24/12/1991	Long An	Nam	Kinh	3.24	Giỏi	
57	19303030	Ngô Quang Bảo	10/10/1976	Bến Tre	Nam	Kinh	3.69	Xuất sắc	
58	19303034	Nguyễn Thị Hoàng Diễm	13/9/1989	Bến Tre	Nữ	Kinh	3.19	Khá	
59	19303035	Võ Thanh Điền	07/11/1993	Bến Tre	Nam	Kinh	3.06	Khá	
60	19303039	Trần Quốc Huy	10/01/1977	Bến Tre	Nam	Kinh	3.36	Giỏi	
61	19303041	Nguyễn Duy Khánh	09/7/1990	Bến Tre	Nam	Kinh	3.29	Giỏi	
62	19303043	Lê Kim Khánh	10/12/1993	Bến Tre	Nữ	Kinh	3.60	Xuất sắc	
63	19303046	Nguyễn Trung Khánh Minh	26/7/1984	Bến Tre	Nam	Kinh	3.61	Xuất sắc	
64	19303050	Võ Trọng Nhân	18/11/1997	Bến Tre	Nam	Kinh	2.93	Khá	
65	19303051	Nguyễn Tấn Phát	01/11/1996	Bến Tre	Nam	Kinh	2.88	Khá	
66	19303054	Nguyễn Ngọc Kim Phương	02/8/1989	Bến Tre	Nữ	Kinh	3.42	Giỏi	
67	19303056	Trần Bảo Quốc	10/4/1991	Bến Tre	Nam	Kinh	2.83	Khá	
68	19303057	Đặng Thanh Sơn	29/01/1988	Bến Tre	Nam	Kinh	2.79	Khá	
69	19303059	Võ Ngô Thái	01/10/1982	Bến Tre	Nam	Kinh	3.44	Giỏi	
70	19303070	Huỳnh Trường Vi	05/10/1997	Bến Tre	Nam	Kinh	2.89	Khá	
71	19303072	Tăng Thiện Vo	10/9/1987	Bến Tre	Nam	Kinh	3.36	Giỏi	
72	19303095	Trịnh Thị Lan Hương	15/12/1985	Bến Tre	Nữ	Kinh	3.62	Xuất sắc	
73	19303097	Hồ Minh Tiến	18/8/1994	Bến Tre	Nam	Kinh	3.63	Xuất sắc	



TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
II. Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí									
74	15308036	Huỳnh Minh Quân	16/8/1994	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.20	Trung bình	
75	19308017	Phan Minh Mẫn	09/12/1997	Kiên Giang	Nam	Kinh	3.03	Khá	
76	20308002	Nguyễn Lê Dương	18/10/1995	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.93	Khá	
77	20308006	Phạm Lưu Minh Khang	09/9/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.12	Khá	
78	20308007	Trần Nhật Minh	15/7/1997	An Giang	Nam	Kinh	2.40	Trung bình	
79	20308009	Trần Hữu Như	17/01/1998	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.35	Giỏi	
80	20308012	Bùi Nhật Trường	04/5/1986	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.88	Xuất sắc	
III. Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô									
81	17301032	Lê Nhuận Phát	10/10/1996	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.40	Trung bình	
82	19301010	Hoàng Bảo Linh	10/10/1991	Bến Tre	Nam	Kinh	2.13	Trung bình	
83	19301030	Nguyễn Văn An	20/9/1997	Long An	Nam	Kinh	2.67	Khá	
84	19301031	Phan Văn Đại	22/8/1998	Long An	Nam	Kinh	2.74	Khá	
85	19301032	Nguyễn Quang Danh	12/10/1998	Nghệ An	Nam	Kinh	2.69	Khá	
86	19301033	Lê Quang Đồng	01/9/1998	Phú Yên	Nam	Kinh	2.77	Khá	
87	19301035	Trịnh Công Đức	31/3/1998	Bến Tre	Nam	Kinh	2.65	Khá	
88	19301036	Châu Kiến Dương	17/9/1998	Bạc Liêu	Nam	Kinh	2.91	Khá	
89	19301037	Đỗ Văn Hóa	25/12/1995	Bình Định	Nam	Kinh	2.85	Khá	
90	19301043	Nguyễn Đức Tâm	05/01/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	2.93	Khá	
91	19301045	Võ Huỳnh Tân	19/8/1996	Cần Thơ	Nam	Kinh	2.81	Khá	
92	19301047	Nguyễn Phước Tiến	27/5/1994	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	2.61	Khá	
93	19301048	Lê Hữu Vinh	12/5/1997	Tp HCM	Nam	Kinh	2.66	Khá	
94	19301049	Tạ Văn Vinh	13/11/1998	Tây Ninh	Nam	Kinh	2.86	Khá	
95	19312004	Trần Nhựt Duy	11/9/1996	Tiền Giang	Nam	Kinh	2.74	Khá	
96	19312014	Huỳnh Văn Quý	08/11/1996	Tp HCM	Nam	Kinh	2.92	Khá	
97	19312017	Hồ Hoàng Thái	02/11/1997	An Giang	Nam	Kinh	2.76	Khá	
98	20301028	Hồ Phan Phước Sanh	26/3/1990	An Giang	Nam	Kinh	2.94	Khá	
III. Ngành Công nghệ kỹ thuật giao thông									
99	20312001	Nông Khánh Linh	17/10/1992	Cao Bằng	Nam	Tày	2.81	Khá	
100	20312002	Nguyễn Tiến Lợi	20/10/1991	Hà Nam	Nam	Kinh	3.20	Giỏi	
101	20312003	Trần Thanh Tùng	17/6/1989	Long An	Nam	Kinh	3.21	Giỏi	

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lao Hùng Phi

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG BÁC SĨ THUY Y HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC - ĐỢT 1 NĂM 2022

(Kèm theo quyết định số: 101/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 15 tháng 6 năm 2022)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	16310011	Tô Thị Tuyết Nhung	25/4/1985	Long An	Nữ	Kinh	3.51	Giỏi	
2	16310016	Phạm Sỹ Tân	05/01/1995	Long An	Nam	Kinh	3.24	Giỏi	
3	17310008	Võ Tấn Hào	15/12/1976	Long An	Nam	Kinh	3.29	Giỏi	

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lao Hùng Phi

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC - ĐỢT 1 NĂM 2022

(Kèm theo quyết định số: 101/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 15 tháng 6 năm 2022)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngành đào tạo	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	19311067	Vũ Ngọc Châu	Công tác xã hội	21/9/1982	Cần Thơ	Nữ	Kinh	3.33	Giỏi	
2	19311068	Nguyễn Hiền Chương		11/11/1992	Cần Thơ	Nam	Kinh	3.48	Giỏi	
3	19311071	Nguyễn Mạnh Cường		26/12/1987	Cần Thơ	Nam	Kinh	3.22	Giỏi	
4	19311072	Lâm Chí Cường		25/5/1979	Hậu Giang	Nam	Kinh	2.91	Khá	
5	19311073	Lê Thị Ngọc Đào		24/4/1981	Nghệ An	Nữ	Kinh	3.26	Giỏi	
6	19311074	Trần Thị Ngọc Diệu		04/8/1983	Cần Thơ	Nữ	Kinh	3.56	Giỏi	
7	19311077	Nguyễn Thị Cẩm Hồng		12/3/1984	An Giang	Nữ	Kinh	3.23	Giỏi	
8	19311078	Nguyễn Thị Thùy Hương		17/9/1998	Cần Thơ	Nữ	Kinh	3.42	Giỏi	
9	19311079	Hồ Duy Khánh		25/02/1983	Cần Thơ	Nam	Kinh	3.13	Khá	
10	19311080	Trần Thị Lệ		10/4/1983	Hậu Giang	Nữ	Kinh	3.48	Giỏi	
11	19311081	Vũ Thị Kim Lệ		01/4/1978	Cần Thơ	Nữ	Kinh	3.08	Khá	
12	19311084	Dương Thị Kiều Loan		07/8/1981	Cần Thơ	Nữ	Kinh	3.13	Khá	
13	19311085	Võ Thị Cẩm Loan		15/12/1983	Sóc Trăng	Nữ	Kinh	3.29	Giỏi	
14	19311086	Liêng Minh Luân		12/7/1989	Cần Thơ	Nam	Kinh	3.14	Khá	
15	19311087	Lê Thị Thanh Mai		19/12/1977	Cần Thơ	Nữ	Khmer	3.37	Giỏi	
16	19311089	Dương Thị Bích Ngọc		13/02/1997	Cần Thơ	Nữ	Kinh	3.55	Giỏi	
17	19311090	Nguyễn Văn Nhở		17/10/1986	Cần Thơ	Nam	Kinh	3.38	Giỏi	
18	19311093	Huỳnh Văn Phái		10/02/1982	Cần Thơ	Nam	Kinh	3.06	Khá	
19	19311094	Nguyễn Hà Phúc		10/01/1983	Cần Thơ	Nam	Kinh	3.56	Giỏi	
20	19311095	Lê Thanh Phương		01/02/1992	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.24	Giỏi	
21	19311097	Nguyễn Duy Tân		01/01/1988	Hậu Giang	Nam	Kinh	3.11	Khá	
22	19311098	Phạm Thị Thắm		19/5/1980	Cần Thơ	Nữ	Kinh	3.14	Khá	
23	19311100	Nguyễn Thị Bé Thảo		10/12/1991	Cần Thơ	Nữ	Kinh	3.31	Giỏi	
24	19311102	Huỳnh Văn Thủ		23/11/1989	Cần Thơ	Nam	Kinh	3.02	Khá	
25	19311104	Trần Thị Bích Trâm		26/8/1990	Cần Thơ	Nữ	Kinh	3.51	Giỏi	
26	19311105	Trần Thị Mai Trinh		08/4/1989	Cần Thơ	Nữ	Kinh	3.15	Khá	
27	19311109	Nguyễn Trường Vũ		07/12/1981	Hậu Giang	Nam	Kinh	3.03	Khá	

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lao Hùng Phi